

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ TIỀN CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NĐ 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 1 ĐẾN HẾT THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 2.12 /QĐ - UBND, ngày 20 tháng 2 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
	Trường MN xã Núa Ngam										75.750.000
1	Tạ Hoàng Gia Linh		2021	MG bé	Kinh	Lò Thị Mai	Ta Lét- Hệ Muông	Bản DB KK	150.000	5	750.000
2	Quảng Tuấn Anh	2021		MG bé	K mú	Quảng Văn Phương	Pá Ngam 1- Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
3	Quảng Minh Đức	2021		MG bé	K mú	Quảng Văn Hoa	Pá Ngam 1- Núa Ngam	Bản DB KK	150.000	5	750.000
4	Vũ Phương Nga		2021	MG bé	Kinh	Vũ Văn Việt	Pá Ngam 1- Núa Ngam	Bản DB KK	150.000	5	750.000
5	Lò Bảo Tiến	2021		MG bé	K mú	Lò Văn Hiệp	Pá Ngam 1- Núa Ngam	Bản DB KK	150.000	5	750.000
6	Lò Phương Trần		2021	MG bé	K mú	Lò Thị Chiêng	Pá Ngam 1- Núa Ngam	Bản DB KK	150.000	5	750.000
7	Lường Việt Khang	2021		MG bé	Thái	Lường Văn Hùng	Pá Ngam 1- Núa Ngam	Bản DB KK	150.000	5	750.000
8	Lò Việt Hoàng	2021		MG bé	K' mú	Lò Văn Sầu	Pá Ngam 1- Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
9	Sùng Minh Quân	2021		MG bé	Hmông	Sùng A Minh	Bản Háng Á Xã Rạng Đông-Tuần Giáo	Bản DBKK	150.000	5	750.000
10	Lò Thị Triệu Mẫn		2021	MG bé	K mú	Lò Văn Dũng	Pá Ngam 1- Núa Ngam	Bản DB KK	150.000	5	750.000
11	Lò Anh Đô	2020		MG Nhỡ	K mú	Lò Văn Hải	Pá Ngam I - Núa Ngam	Bản DB KK	150.000	5	750.000
12	Lò Minh Châu		2020	MG Nhỡ	Thái	Lò Văn Thi	Ta Lét- Hệ Muông	Bản DB KK	150.000	5	750.000
13	Lò Ngọc Diệp		2020	MG Nhỡ	Thái	Lò Văn Hiệp	Ta Lét- Hệ Muông	Bản DB KK	150.000	5	750.000
14	Lò T Thanh Trúc		2020	MG Nhỡ	Thái	Lò Thị Hồng	Ta Lét- Hệ Muông	Bản DB KK	150.000	5	750.000
15	Lò Gia Khánh	2020		MG Nhỡ	Thái	Lò Thị Tiên	Ta Lét- Hệ Muông	Bản DB KK	150.000	5	750.000
16	Lò Thị Mai Nhi		2020	MG Nhỡ	K mú	Lò Thị Tiên	Pá Ngam I- Núa Ngam	Bản DB KK	150.000	5	750.000
17	Lường Văn Đức	2020		MG Nhỡ	Thái	Lò Thị Hóa	Ta Lét- Hệ Muông	Bản DB KK	150.000	5	750.000
18	Toán Ngọc Thái Hà Nhi		2020	MG Nhỡ	Hà Nhi	Lường Thị Hoài	Xã Leng Su Sìn- Mường Nhé	Bản DB KK	150.000	5	750.000
19	Toán Ngọc Thái Hà Chi		2020	MG Nhỡ	Hà Nhi	Lường Thị Hoài	Xã Leng Su Sìn- Mường Nhé	Bản DB KK	150.000	5	750.000

	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
20	Lò Thị Phương Thủy		2020	MG Nhỡ	K mú	Lò Thị Lành	Pá Ngam 1- Núa Ngam	Bản ĐB KK	150.000	5	750.000
21	Nguyễn Minh Nhật	2020		MG Nhỡ	Kinh	Nguyễn Văn Cương	Thanh Chính- Noong Luống	Bản ĐB KK	150.000	5	750.000
22	Vũ Khánh Duy	2019		MG Lớn	Kinh	Vũ Văn Toán	Pá Ngam 1- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
23	Lò Thị Thu Hiền		2019	MG Lớn	K. Mú	Lò Văn Phong	Pá Ngam 1- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
24	Lò Anh Thiều	2019		MG Lớn	K. Mú	Lò Thị Dung	Pá Ngam 1- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
25	Lò Minh Khang	2019		MG Lớn	Thái	Lò Thị Phương Nhung	Bản Pa Tân- Pa Tân Mường Nhé	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
26	Nguyễn Minh Quân	2019		MG Lớn	Kinh	Nguyễn Văn Cương	Bản Chính- Noong Luống	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
27	Hà Gia Bảo	2019		MG Lớn	Thái	Quảng Thị Kkhánh	Hua thanh - Điện Biên	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
28	Lò Thị Nguyệt	2019		MG Lớn	Thái	Lò Văn Tiên	Pá Ngam 1- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
29	Lò Khánh Đạt	2019		MG Lớn	K mú	Lò Văn Khoa	Pá Ngam 1- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
30	Mùa T Phương Linh		2019	MGG Tin Lán A	H mông	Mùa Thị Dúa	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
31	Ly Tiến Sỹ	2020		MGG Tin Lán A	H mông	Ly A Chênh	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
32	Giàng Duy Mạnh	2020		MGG Tin Lán A	H mông	Giàng A Tro	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
33	Ly T Phương Chí		2020	MGG Tin Lán A	H mông	Ly A Chổng	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
34	Ly A Sơn	2020		MGG Tin Lán A	H mông	Ly A Sò	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
35	Ly Hoàng Chính	2020		MGG Tin Lán A	H mông	Ly A Hờ	Tin Lán A- Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
36	Giàng A Chung	2020		MGG Tin Lán A	H mông	Giàng A Pó	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
37	Ly Trung Kiên	2020		MGG Tin Lán A	H mông	Vàng Thị Tổng (Bà ngo	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
38	Mùa T Xuân Na		2020	MGG Tin Lán A	H mông	Mùa Thị Dúa	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
39	Giàng T Phi Phương		2020	MGG Tin Lán A	H mông	Giàng A Sênh	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
40	Giàng Thư Thượng	2021		MGG Tin Lán A	H mông	Giàng A Vừ	Tin Lán A- Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
41	Ly Thị Xuân Mong		2021	MGG Tin Lán A	H mông	Giàng Thị Vừ	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
42	Giàng T Thảo My		2021	MGG Tin Lán A	H mông	Giàng A Thênh	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
43	Ly Thị Tuyết Nhung		2021	MGG Tin Lán A	H mông	Ly A Hồng	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
44	Ly T Linh Chi		2021	MGG Tin Lán A	H mông	Ly A Chênh	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
45	Vừ A Phổng	2021		MGG Tin Lán A	H mông	Vừ Thị Tông	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000

	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
46	Giàng Gia Bảo	2021		MGG Tin Lán A	H' mông	Ly Thị Phái	Tin Lán A- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
47	Giàng Thị Mai Chinh		2019	MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Dừa	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
48	Vàng Thị Cú	2019		MGG Huổi hua	H'Mông	Vàng A Hù	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
49	Giàng Quốc Cường	2019		MGG Huổi hua	H'Mông	Vàng Thị Ly	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
50	Giàng Mạnh Cường	2019		MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Ly	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
51	Giàng Sinh Hùng	2019		MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Lầu	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
52	Vàng Thị Mai Hương		2019	MGG Huổi hua	H'Mông	Vàng Thị Chá	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
53	Vàng Thị Mỹ		2019	MGG Huổi hua	H'Mông	Vàng A Hải	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
54	Giàng Đông Nam	2019		MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Tú	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
55	Giàng Seo Phừ	2019		MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Chá	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
56	Vừ A Sơn	2019		MGG Huổi hua	H'Mông	Vừ A Lầu	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
57	Giàng Công Viên	2019		MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Chứ	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
58	Giàng Thị Ánh Tuyết		2019	MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Dénh	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
59	Giàng Phương Vy		2019	MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Sá	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
60	Giàng A Dũng	2020		MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng Thị Mỹ	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
61	Vàng Thị Lia		2020	MGG Huổi hua	H'Mông	Mùa Thị Khua	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
62	Mùa Thị Thùy Linh		2020	MGG Huổi hua	H'Mông	Mùa A Tỷ	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
63	Giàng Ngọc Long	2020		MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Ka	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
64	Giàng Bảo Long	2020		MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Sá	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
65	Giàng Thị Hoa Mai		2020	MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Từa	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
66	Giàng A Quý	2020		MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Đông	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
67	Giàng A Sáu	2020		MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Khả	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
68	Vừ A Sơn	2020		MGG Huổi hua	H'Mông	Vừ Thị Pà	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
69	Giàng Huyền Trang		2020	MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Dénh	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
70	Vàng A Minh	2020		MGG Huổi hua	H'Mông	Vàng Thị Pàng	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
71	Giàng Diệu Linh		2021	MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Mạnh	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
72	Giàng Thị Yến		2021	MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Lầu	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
73	Vừ Minh Thương		2021	MGG Huổi hua	H'Mông	Vừ A Lầu	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
74	Mùa Gi Trung	2021		MGG Huổi hua	H'Mông	Vàng Thị Cùa	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000

	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
75	Giàng Mạnh Hưng	2021		MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Chá	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
76	Vàng Phương Mai		2021	MGG Huổi hua	H'Mông	Vàng A Hải	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
77	Vàng A Hải (Nhĩa)	2021		MGG Huổi hua	H'Mông	Vàng A Hù	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
78	Giàng Thị Linh		2021	MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng Thị Chi	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
79	Ly Thị Thuý Ý	2019		Tin Lán B	H Mông	Ly A Chổng	Tin Lán B- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
80	Giàng Thị Mai Xinh	2020		Tin Lán B	H Mông	Giàng A Tủa	Tin Lán B- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
81	Giàng Thị Mai Dung	2021		Tin Lán B	H Mông	Giàng A Sò	Tin Lán B- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
82	Giàng Đức Tuấn	2021		Tin Lán B	H Mông	Giàng Sớ Nhĩa	Tin Lán B- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
83	Giàng Mạnh Cường	2021		Tin Lán B	H Mông	Giàng A Thu	Tin Lán B- Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
84	Vì Hải Đăng	2019		MG na sag 1	Lào	Vì Thị Hiền	Na sag 1- Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
85	Lò Nhật Long	2021		MGG Na Sang 2	Thái	Lò Thị Cương	Bản Xóm 3 xã Pá Khoang	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
86	Quảng Thị Quỳnh Anh		2019	MGG Pá Bông	Khơ mú	Quảng Văn Thành	Pá Bông- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
87	Lò Thị Bích Dân		2019	MGG Pá Bông	Khơ mú	Lò Văn Hiền	Pá Bông- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
88	Lò Bích Năm	2019		MGG Pá Bông	Khơ mú	Lò Văn Văn	Pá Bông- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
89	Lò Thị Như Ngọc		2019	MGG Pá Bông	Khơ mú	Lò Văn Biên	Pá Bông- Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
90	Lò Sơn Tùng	2019		MGG Pá Bông	Khơ mú	Lò Thị Kẹo	Pá Bông- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
91	Lò Minh Đức	2019		MGG Pá Bông	K.Mú	Lò Văn Hưng	Pá Bông- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
92	Lò Tuấn Kiệt	2019		MGG Pá Bông	Thái	Lò Thị Nội	Pá Bông- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
93	Lò Gia Hưng	2020		MGG Pá Bông	Thái	Quảng Thị Hoà	Pá Bông- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
94	Quảng Thị Mai Lan		2020	MGG Pá Bông	Khơ mú	Quảng Văn Thành	Pá Bông- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
95	Lò Thị Thu Ngọc	2020		MGG Pá Bông	Thái	Lò Thị Dương	Pá Bông- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
96	Lò Văn Hồng	2020		MGG Pá Bông	Khơ mú	Lò Văn Khiên	Pá Bông- Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
97	Lò Anh Tuấn	2021		MGG Pá Bông	Khơ mú	Lò Văn Biên	Pá Bông- Núa Ngam	Hộ nghèo	150.000	5	750.000
98	Lò Thị Thùy Linh		2021	MGG Pá Bông	Khơ mú	Lò Văn Diện	Pá Bông- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
99	Lò Minh Đăng	2021		MGG Pá Bông	Thái	Lò Thị Dương	Pá Bông- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
100	Lò Gia Bảo	2021		MGG Pá Bông	Thái	Lò Thị Đối	Pá Bông- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000
101	Lò Thị Thu Ngân	2019		MGG Pá Bông	Khơ Mú	Lò Văn Khiêm	Pá Bông- Núa Ngam	Bản ĐBKK	150.000	5	750.000